

Đồng Nai, ngày 28 tháng 01 năm 2026

Số: 375 /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng
Cụm công nghiệp Long Phước 1**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 12/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành tại Văn bản số 229/1/SZL-DA ngày 30 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 53/TTr-SNNMT.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Long Phước 1 (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *./.*

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh VP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Long Phước;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai (đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, KTN, Thu, 12b. *./.*



Nguyễn Thị Hoàng

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ KINH DOANH HẠ TẦNG
CỤM CÔNG NGHIỆP LONG PHƯỚC 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Long Phước 1.
- Địa điểm thực hiện Dự án: Xã Long Phước, tỉnh Đồng Nai.
- Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.
- Địa chỉ liên hệ: Khu công nghiệp Long Thành, xã An Phước, tỉnh Đồng Nai.

- Dự án được UBND tỉnh Đồng Nai: Quyết định thành lập Cụm công nghiệp Long Phước 1 tại Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 08/4/2016; phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 3169/QĐ-UBND ngày 30/9/2016; điều chỉnh chủ trương đầu tư (lần 3) tại Quyết định số 3808/QĐ-UBND ngày 12/12/2024; phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 4219/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 và được UBND huyện Long Thành điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 14604/QĐ-UBND ngày 27/12/2024.

1.2. Quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: khoảng 74,98263 ha.
- Nhóm dự án theo tiêu chí Luật đầu tư công, xây dựng: Nhóm B

1.3. Công nghệ sản xuất: Không có. Dự án thực hiện đầu tư và xây dựng và kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp.

1.4. Phạm vi

1.4.1. Các hạng mục công trình

- Đất xây dựng nhà máy - kho tàng, khoảng 48,66778 ha.
- Đất công trình Dịch vụ - Hành chính, khoảng 1,99464 ha; bao gồm khu nhà hành chính - điều hành (0,64903 ha), trạm phòng cháy chữa cháy (0,43008 ha) và đất dịch vụ khoảng 0,91553 ha.
- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật (khoảng 1,4975 ha);
- Đất cây xanh - mặt nước (khoảng 9,07907 ha);
- Đất giao thông (khoảng 13,74364 ha).
- 01 nhà máy xử lý nước thải tập trung, công suất 2.500 m³/ngày (24 giờ); việc lắp đặt thiết bị được chia làm 02 giai đoạn: giai đoạn 1 lắp đặt thiết bị tương ứng công suất 1.250 m³/ngày.đêm trong năm 2026 và giai đoạn 2 lắp đặt thiết bị

tương ứng công suất 1.250 m³/ngày.đêm trong năm 2027.

- 01 hồ sự cố có dung tích khoảng 987,4 m³.
- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại diện tích khoảng 10 m²
- 01 kho lưu giữ bùn thải diện tích khoảng 30 m².

1.4.2. Hoạt động của Dự án

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công; đào đắp công trình; san nền; vận chuyển nguyên vật liệu, thiết bị, máy móc thi công xây dựng, phế thải; thi công xây dựng các hạng mục công trình; sinh hoạt của công nhân.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị thứ cấp; hoạt động thu gom, xử lý và thoát nước thải, thu gom và thoát nước mưa, nạo vét các đường cống, rãnh trong cụm công nghiệp; hoạt động giao thông; hoạt động sinh hoạt của người lao động làm việc trong cụm công nghiệp.

1.4.3. Các hạng mục công trình và hoạt động không thuộc phạm vi đánh giá tác động môi trường

- Hoạt động đền bù giải phóng mặt bằng; hoạt động khai thác và vận chuyển đất đắp, đá, cát từ các mỏ vật liệu hoặc khu vực cung cấp vật liệu phục vụ giai đoạn thi công dự án.

- Nội dung đánh giá tác động môi trường của các dự án thứ cấp đầu tư vào Cụm công nghiệp.

1.4.4. Các ngành nghề thu hút đầu tư vào Cụm công nghiệp:

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	C10102, C10109	Không thu hút dự án có công đoạn giết mổ.
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	C10201, C10202, C10203, C10209	Chỉ thu hút dự án có công đoạn bảo quản, không thu hút dự án có công đoạn chế biến
3	Chế biến và bảo quản rau quả	C10301, C10309	
4	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	C10401, C10402	
5	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	C10500	
6	Xay xát và sản xuất bột	C10611, C10612, C10620	Không thu hút hoạt động sản xuất tinh bột sắn, bột ngọt
7	Sản xuất thực phẩm khác	C10710, C10730, C10740, C10751, C10752, C10759, C10760, C10770,	

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
		C10790	
8	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C10800	Không thu hút dự án có sử dụng nguyên liệu nguồn gốc từ động vật hoặc gây mùi khó chịu; chỉ thu hút sản xuất phụ gia, chất bổ sung, chế phẩm sinh học dùng để sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm
9	Sản xuất đồ uống	C11051	
10	Sản xuất hàng dệt khác	C13920, C13930	Không thu hút dự án có công đoạn nhuộm, giặt mài, nấu sợi
11	Sản xuất trang phục	C14100, C14300	Không thu hút dự án có nguyên liệu da lông thú hoặc có công đoạn nhuộm, giặt mài, nấu sợi.
12	Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	C15120, C15200	Không thu hút dự án thuộc da hoặc có công đoạn thuộc da
13	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16102, C16210, C16220, C16230, C16291, C16292	Chỉ thu hút Dự án chế biến đồ gỗ xuất khẩu, sản phẩm từ gỗ để xuất khẩu, vật liệu xây dựng từ gỗ
14	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	C17021, C17022, C17090	Không thu hút dự án có công đoạn sản xuất bột giấy hoặc có nguyên liệu tái chế
15	In, sao chép bản ghi các loại	C18110, C18120, C18200	Chỉ thu hút dự án không có công đoạn in hoặc có công đoạn in không phát sinh nước thải
16	Sản xuất sản phẩm hóa chất	C20131, C20231, C20232, C20290	Không thu hút các hoạt động: sản xuất các loại bột thuốc nổ; sản xuất các sản phẩm pháo hoa, chất nổ, bao gồm ngòi nổ, pháo sáng; sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm keo cao su; sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; sản xuất chất giống nhựa; sản xuất hóa chất dùng để làm ảnh; sản xuất dầu hoặc mỡ được pha chế bằng quá trình hóa học; sản xuất chất để tẩy kim loại; Sản

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
			xuất chất chống cháy, chống đóng băng; sản xuất hợp chất dùng để thử phản ứng trong phòng thí nghiệm và để chẩn đoán.
17	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C21001, C21002.	
18	Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	C22190, C22201, C22209	Không thu hút dự án có hoạt động chế biến mủ cao su
19	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23101, C23103, C23910, C23920, C23930, C23941, C23950, C23960	Chỉ thu hút dự án có sản phẩm đầu ra là vật liệu xây dựng và sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO. Không thu hút dự án có các hoạt động như: tinh chế silic, sản xuất clinker
20	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	C25110, C25930, C25991, C25999	Không thu hút dự án có công đoạn mạ kim loại, mạ có công đoạn làm sạch bề mặt kim loại bằng hóa chất
21	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy tính và sản phẩm quang học	C26110, C26190, C26200, C26300, C26400, C26510, C26520, C26700	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
22	Sản xuất thiết bị điện	C27101, C27102, C27310, C27320, C27330, C27400, C27500, C27900	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
23	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28110, C28130, C28140, C28170, C28180, C28190, C28210, C28220, C28240, C28250, C28260	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
24	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29200, C29300	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
25	Sản xuất phương tiện vận tải	C30910, C30920,	Không thu hút dự án có

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
	khác	C30990	công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
26	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	C31010, C31020, C31090	Chỉ thu hút Dự án chế biến đồ gỗ xuất khẩu, sản phẩm từ gỗ để xuất khẩu. Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
27	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32110, C32120, C32200, C32300, C32400, C32501, C32502, C32900	Không thu hút dự án có công đoạn mạ có phát sinh nước thải, khí thải.
28	Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	C33110, C33120, C33130, C33140, C33150, C33190, C33200	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất
29	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	D35112, D35119, D35123, D35131, D35132, D3530, D35400	Chỉ thu hút đối với Dự án sử dụng nhiên liệu khí, dầu DO
30	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	E36000	
31	Bán buôn	G4610, G46201, G46209, G46310, G46321, G46324, G46325, G46326, G46329, G46332, G46340, G4641, G4642, G4649, G4651, G4652, G4653, G4659, G4661, G4662, G4663, G46713, G46714, G46722, G46723, G46724, G4673, G4679 (trừ G46797)	Chỉ thu hút các dự án bán buôn phục vụ các ngành nghề hoạt động trong cụm công nghiệp.
32	Kho bãi và các hoạt động hỗ	H521, H522	

Stt	Tên ngành	Mã ngành kinh tế Việt Nam	Ghi chú
	trợ cho vận tải		
33	Bưu chính và chuyển phát	H5310, H5320, H5330	
34	Hoạt động xuất bản	J581, J582	
35	Hoạt động viễn thông	J6110, J6120, J6190	
36	Lập trình máy tính, dịch vụ tư vấn và các hoạt động liên quan	J6211, J6219, J6220, J6290	
37	Hoạt động kinh doanh bất động sản	M68	Chỉ thu hút đối với hoạt động “Cho thuê công trình nhà xưởng, văn phòng, cửa hàng, kho, bãi, mái nhà” để phục vụ cho các hoạt động liên quan cụm công nghiệp.
38	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, đồ dùng cá nhân và gia đình, ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	T9531, T9532	Không thu hút dự án có công đoạn: mạ, phủ màu bằng sơn hoặc hóa chất, làm sạch hóa chất độc theo quy định của pháp luật về hóa chất.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động phát quang thực vật, giải phóng chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp san nền, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải trong phạm vi dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, bụi, khí thải; nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực, tác động đến môi trường khu vực thực hiện dự án, ảnh hưởng đến sinh hoạt của người dân lân cận, tăng nguy cơ tai nạn giao thông, tiềm ẩn sự cố tai nạn lao động, sự cố cháy nổ, sự cố ngập úng, sạt lở.

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại Cụm công nghiệp phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh nước thải công nghiệp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động xử lý nước thải, nạo vét cống thoát nước mưa, nước thải trong

phạm vi Cụm công nghiệp phát sinh bùn thải, chất thải nguy hại và mùi hôi.

- Hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào Dự án trong giai đoạn vận hành phát sinh tiếng ồn, rung, bụi và khí thải.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh nước thải sinh hoạt với lưu lượng khoảng $4,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng (SS), BOD₅, COD, nitơ (N), phốt pho (P), Coliform.

- Hoạt động vệ sinh các máy móc, thiết bị thi công và rửa bánh xe phát sinh nước thải với lưu lượng khoảng $1,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, chất hoạt động bề mặt.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên tại Cụm công nghiệp và hoạt động sản xuất công nghiệp tại các cơ sở thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh nước thải công nghiệp với lưu lượng khoảng $2.057 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, pH, độ màu, BOD₅, COD, tổng Nitơ (TN), tổng Photpho (TP), Amoni, các kim loại nặng, Coliform.

- Nước thải từ quá trình ép bùn phát sinh khoảng $13 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Chất rắn lơ lửng, độ màu, COD, BOD₅, Amoni, tổng Nitơ (TN), tổng Photpho (TP), Coliform, các kim loại nặng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động đào đắp, san lấp mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, vận chuyển nguyên vật liệu thi công, đổ thải và hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công tại dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, CO, SO₂, NO_x.

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sản xuất của các đơn vị thứ cấp tại Dự án phát sinh bụi và khí thải; tính chất của khí thải phụ thuộc ngành nghề của đơn vị thứ cấp.

- Hoạt động của các phương tiện giao thông di chuyển trong phạm vi Dự án phát sinh bụi, khí thải; thông số ô nhiễm đặc trưng: CO, NO_x, SO₂.

- Hoạt động phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ tại khu vực tập kết chất thải rắn, nhà máy xử lý nước thải phát sinh khí thải có mùi hôi; thông số ô nhiễm đặc trưng: H₂S, CH₄, Mercaptan.

- Hoạt động máy phát điện dự phòng: CO, NO_x, SO₂.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

3.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phát sinh phế thải, chất thải rắn với khối lượng khoảng 35,59 tấn. Thành phần chủ yếu là đất, cát, cốp pha, thép xây dựng, gạch vỡ, vỏ bao xi măng và các nguyên vật liệu không đạt tiêu chuẩn.

- Hoạt động của công nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 50 kg/ngày với thành phần chủ yếu là túi nylon, bì các tông, giấy vụn, thủy tinh, thức ăn thừa.

- Hoạt động vét ao, mương và bóc lớp đất bề mặt phát sinh bùn, đất còn dư thừa khoảng 2.356,35 m³ trong toàn bộ quá trình.

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu nhà điều hành của Dự án phát sinh chất thải rắn sinh hoạt với khối lượng khoảng 72 kg/ngày. Thành phần của chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu gồm: Thức ăn thừa, vỏ hoa quả, túi nylon, vỏ chai.

- Hoạt động nạo vét bề tự hoại Khu hành chính, dịch vụ phát sinh 10,8 tấn/năm.

- Hoạt động nạo vét định kỳ các hồ ga của hệ thống thu gom, thoát nước thải phát sinh bùn cặn khoảng 1.276 tấn/06 tháng.

- Hoạt động nạo vét định kỳ các hồ ga của hệ thống thu gom, thoát nước mưa phát sinh bùn cặn khoảng 2.761 tấn/06 tháng.

- Hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phụ thuộc vào đặc thù của các đơn vị thứ cấp.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

3.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động văn phòng tại công trường thi công, hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án và hoạt động bảo trì, sửa chữa các máy móc, thiết bị thi công phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 37 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu; hộp đựng sơn, dầu đã qua sử dụng; dầu tổng hợp thải; que hàn; dụng cụ quét sơn; bao bì thải.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật Cụm công nghiệp tại khu nhà điều hành và nhà máy xử lý nước thải của Dự án phát sinh chất thải nguy hại với tổng khối lượng khoảng 129 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm: Giẻ lau dính dầu; hộp đựng sơn, dầu đã qua sử dụng; dầu tổng hợp thải; bao bì thải.

- Hoạt động vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 2.500 m³/ngày phát sinh bùn thải với khối lượng khoảng 3,8 tấn/ngày.

- Hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp phát sinh chất thải nguy hại phụ thuộc vào đặc thù của các đơn vị thứ cấp.

3.3. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải phát sinh tiếng ồn và rung chấn, có khả năng ảnh hưởng tới khu vực xung quanh Dự án.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Hoạt động vận hành các trạm bơm nước thải, hoạt động của máy phát điện dự phòng, hoạt động vận hành của nhà máy xử lý nước thải và hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án phát sinh tiếng ồn.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án.

- Hoạt động thoát nước mưa có khả năng làm gia tăng nguy cơ ngập úng cho khu vực.

- Trong quá trình vận hành Dự án có khả năng xảy ra sự cố môi trường, sự cố cháy nổ, sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp và các sự cố môi trường khác tại các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

4.1.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt tại công trường thi công 03 khu nhà vệ sinh lưu động (kích thước mỗi phòng vệ sinh: 95 x 130 x 245 cm, khả năng bể lưu chứa chất thải là 1.000 lít) tại khu vực thi công trong dự án, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng theo quy định.

Quy trình thực hiện: Nước thải sinh hoạt → nhà vệ sinh lưu động → đơn vị chức năng xử lý.

- Bố trí tại công trường thi công 01 hệ thống cầu rửa xe (diện tích khoảng 09 m², cấu tạo thu gom nước thải về 03 ngăn lắng, với tổng dung tích khoảng 05 m³) để thu gom, tách dầu và lắng toàn bộ nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công tại công trường. Nước thải sau khi tách dầu mỡ, lắng cặn được tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công, đất đá thải trước khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công; văng dầu được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý cùng với chất thải nguy hại khác của dự án theo quy định; đất, cát, cặn tại bể lắng được thu gom và xử lý theo quy định.

Quy trình: Nước thải từ hoạt động vệ sinh phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công → Bể lắng 03 ngăn → Tách dầu → Lắng cặn → Nước rửa sau khi được lắng cặn → Làm ẩm vật liệu, đất đá thải khi vận chuyển và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành được thu gom về hệ thống bể tự hoại để xử lý sơ bộ trước khi đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp để xử lý.

- Nước thải từ các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý bằng công nghệ phù hợp theo đặc thù của loại hình sản xuất và thủ tục môi trường của từng dự án, đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp để xử lý.

- Toàn bộ nước thải phát sinh của Cụm công nghiệp được thu gom bằng cống thoát nước bê tông cốt thép có đường kính 300 mm – 600 mm dẫn về nhà máy xử lý nước thải tập trung xử lý của cụm công nghiệp; nước thải sau xử lý của cụm công nghiệp được xử lý đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, $F > 2.000 \text{ m}^3$ trước khi thoát ra rạch Vàm Cá Tán và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông Thị Vải. Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất $2.500 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được lắp đặt máy móc thiết bị theo 2 giai đoạn, công suất lắp đặt thiết bị mỗi giai đoạn là $1.250 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Quy trình công nghệ xử lý nước thải như sau:

Nước thải → Bể gom nước thải → Bể tách cặn, váng nổi → Bể điều hoà → Bể phản ứng 1 → Bể keo tụ 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể SBR A/B → Bể trung gian → Bể phản ứng 2 → Bể keo tụ 2 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Trạm quan trắc → Hồ hoàn thiện → Đường ống thoát nước → rạch Vàm Cá Tán (*đường ống thoát nước từ ranh cụm công nghiệp ra rạch Vàm Cá Tán đã được UBND tỉnh thống nhất giao cho Ban Quản lý dự án Khu vực 5 làm chủ đầu tư tại Văn bản số 5640/UBND ngày 18/9/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai*).

- Giới hạn nước thải đầu vào của Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp như sau:

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải NMXLNT CCN
1	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/L	100
2	COD	mg/L	300
3	TSS	mg/L	100
4	pH	-	5-10
5	Nhiệt độ	oC	40
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/L	40
7	Tổng Phốt pho (T-P)	mg/L	10
8	Coliform tổng	MNP hoặc	Không qui định

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải NMXLNT CCN
		CFU/100ml	
9	Độ màu	Pt-Co	100
10	Asen (As)	mg/L	0,05
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,001
12	Chì (Pb)	mg/L	0,1
13	Cadmi (Cd)	mg/L	0,02
14	Crom VI (Cr 6+)	mg/L	0,1
15	Tổng Crom	mg/L	0,5
16	Đồng (Cu)	mg/L	1,0
17	Kẽm (Zn)	mg/L	1,0
18	Niken (Ni)	mg/L	0,1
19	Mangan (Mn)	mg/L	2,0
20	Sắt (Fe)	mg/L	2,0
21	Bari (Ba)	mg/L	1,0
22	Antimony (Sb)	mg/L	0,02
23	Thiếc (Sn)	mg/L	0,5
24	Selen (Se)	mg/L	0,1
25	Xianua (CN-)	mg/L	0,2
26	Amoni (tính theo N)	mg/L	20
27	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/L	0,1
28	Tổng Fenol	mg/L	1,0
29	Dầu mỡ khoáng	mg/L	1,0
30	Tổng dầu mỡ động thực vật	mg/L	5,0
31	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	0,2
32	Florua (F ⁻)	mg/L	3,0
33	Clo dư	mg/L	1,0
34	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Clo hữu cơ	mg/L	0,05
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật Photpho hữu cơ	mg/L	0,3
36	PCB (Polychlorinated biphenyls)	mg/L	0,003
37	Dioxin/Furan	pgTEQ/L	10
38	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/L	7,5
39	Chất hoạt động bề mặt Anion	mg/L	3,0
40	Pentachlorophenol (C ₆ Cl ₅ OH)	mg/L	0,001
41	Trichloroethylene (CH-CCl ₃)	mg/L	0,06
42	Tetrachloroethylene (C ₂ Cl ₄)	mg/L	0,04
43	Benzene (C ₆ H ₆)	mg/L	0,01
44	Methylene choloride (CH ₂ Cl ₂)	mg/L	0,02
45	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	mg/L	0,004
46	1,1-dichloroethylene (CH ₂ CCl ₂)	mg/L	0,05
47	1,2-dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	mg/L	0,03
48	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	0,3

STT	Chỉ Tiêu	Đơn vị	Giới hạn tiếp nhận nước thải NMXLNT CCN
49	1,4-Dioxane ($C_4H_8O_2$)	mg/L	0,05
50	Diethylhexylphthalate (DEHP) ($C_6H_4(CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	0,02
51	Vinyl chloride ($CH_2=CHCl$)	mg/L	0,01
52	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/L	0,01
53	Bromoform ($CHBr_3$)	mg/L	0,1
54	Naphthalene ($C_{10}H_8$)	mg/L	0,05
55	Formaldehyde ($HCHO$)	mg/L	1,0
56	Epichlorohydrin (C_3H_5ClO)	mg/L	0,03
57	Toluene ($C_6H_5-CH_3$)	mg/L	0,7
58	Xylene ($C_6H_4(CH_3)_2$)	mg/L	0,5
59	Perchlorate (ClO_4^-)	mg/L	0,03
60	Acrylamide ($CH_2=CH-CONH_2$)	mg/L	0,015
61	Styrene ($C_6H_5CH=CH_2$)	mg/L	0,02
62	Bis (2-ethylhexyl) adipate ($((CH_2CH_2CO_2C_8H_{17})_2$)	mg/L	0,2
63	Sunfit (tính theo SO_3^{2-})	mg/L	5,0

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải thi công, xây dựng trước khi thực hiện các hoạt động thi công, xây dựng; đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng Dự án được thu gom, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

- Thực hiện thu gom, đầu nối nước thải của các dự án thứ cấp trong cụm công nghiệp vào hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Xây dựng, quản lý và vận hành hệ thống thu gom nước thải và nhà máy xử lý nước thải tập trung phù hợp với tiến độ thu hút đầu tư và hoạt động của các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp, đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn vận hành của Cụm công nghiệp được thu gom, xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt cột A, QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, $F > 2.000 m^3$ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các giải pháp phù hợp để kiểm soát chất lượng nước thải đầu vào của cụm công nghiệp, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ đã đề xuất.

- Lắp đặt 01 hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục đối với nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải tập trung, có camera theo dõi, thiết bị lấy mẫu nước thải tự động, truyền số liệu trực tiếp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai theo đúng quy định. Các thông số quan trắc bao gồm: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni. Hệ thống quan trắc

nước thải tự động, liên tục phải được quản lý, vận hành đáp ứng các quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định có liên quan.

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín, dễ đóng mở, có đánh số theo dõi và định kỳ thực hiện nạo vét thu gom bùn, bảo trì các thiết bị.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Thực hiện kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo nhà máy xử lý nước thải tập trung luôn vận hành bình thường. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực công trường thi công; sử dụng phương tiện, máy móc đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu, đất thải, phế thải,...; thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo vệ sinh; phun nước giảm bụi, thu gom chất thải rơi vãi trên công trường; lắp đặt hệ thống rửa phương tiện tại công trường, tất cả các xe vận chuyển được rửa sạch bùn đất dính bám trước khi ra khỏi công trường.

- Bố trí xe chuyên dụng để tưới nước dập bụi trên tuyến đường nội bộ phục vụ thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu đoạn tiếp giáp Dự án với tần suất từ 02 - 03 lần/ngày (trừ những ngày mưa), tăng tần suất tưới vào mùa khô; phun ẩm bề mặt trước khi đào đắp các công trình xây dựng với tần suất 01 lần/ngày, tăng tần suất trong mùa khô; phun nước làm ẩm khu vực tập kết nguyên vật liệu trước và sau quá trình tập kết.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Thực hiện trồng cây xanh tại Dự án bảo đảm diện tích theo quy định.

- Nạo vét bùn cặn bể phốt, các hố ga thu nước thải,... nhằm hạn chế phát sinh ra mùi hôi; tuân thủ thiết kế, vận hành và trồng cây xanh xung quanh khu vực xây dựng nhà máy xử lý nước thải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đáp ứng quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng đảm bảo đáp ứng QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp trước khi xả thải ra môi trường.

- Phun nước dập bụi tại các tuyến đường giao thông trong Cụm công nghiệp với tần suất ít nhất 01 lần/ngày trừ những ngày mưa và thường xuyên vệ

sinh, quét dọn bụi, đất đá rơi vãi do hoạt động vận chuyển trên đường giao thông.

4.1.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh trong các giai đoạn của Dự án; thực hiện và giám sát các nhà thầu thi công trong việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công, xây dựng; bảo đảm môi trường không khí xung quanh trong giai đoạn của Dự án luôn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định của QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Trồng dải cây xanh cách ly quanh khu vực nhà máy xử lý nước thải tập trung và công trình có phát sinh mùi hôi khác của dự án (nếu có), đảm bảo khoảng cách tối thiểu với các công trình xung quanh để hạn chế mùi hôi và khí thải phát sinh theo quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng. Không bố trí các dự án thứ cấp có phát sinh bụi, khí thải, mùi khó chịu ở các lô đất công nghiệp tại vị trí tiếp giáp với khu dân cư.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

4.2.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn xây dựng.

- Trang bị các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 240 lít/thùng để thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại công trường thi công; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ chức năng và năng lực thu gom, vận chuyển, xử lý định kỳ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Tuân thủ đúng quy định pháp luật có liên quan khi tận dụng bùn, đất hữu cơ bề mặt từ quá trình trong thi công, đất đá, vật liệu xây dựng từ quá trình đào đắp cho các hoạt động trong dự án (san nền, trồng cây). Thu dọn mặt bằng mỗi khi kết thúc ngày thi công, trước khi có các trận mưa lớn nhằm hạn chế bụi, đất đá, chất thải bị cuốn trôi ra môi trường.

- Các chất thải rắn, phế liệu có khả năng tái sử dụng, tái chế được tái sử dụng, tái chế theo quy định. Các loại chất thải rắn không thể tận dụng được thu gom, lưu giữ tại công trường, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ khu nhà điều hành và nhà máy xử lý nước thải tập trung được thu gom, phân loại và lưu giữ vào các thùng đựng rác chuyên dụng, loại dung tích từ 60

đến 120 lít sau đó lưu chứa tại kho chứa chất thải rắn có diện tích 10 m²; hợp đồng với các đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn phát sinh tại các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp được các đơn vị thứ cấp quản lý theo quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Đảm bảo toàn bộ chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động của Dự án đều được thu gom, phân định, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Tổ chức thu gom, vận chuyển, đổ thải phế thải, chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động của Dự án vào đúng các vị trí được chính quyền địa phương chấp thuận, đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí tại mỗi công trường thi công khoảng 07 thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích khoảng 120 lít/thùng có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, bay hơi, rơi vãi, phát tán ra môi trường và có gắn dấu hiệu cảnh báo nguy hại để thu gom, phân loại tại nguồn toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh; tập kết về kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời tại công trường thi công với diện tích khoảng 10 m² (tháo dỡ sau khi kết thúc thi công). Kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời được xây dựng theo đúng quy cách, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động tại khu nhà điều hành và Nhà máy xử lý nước thải của Cụm công nghiệp được thu gom, lưu giữ tạm thời tại khu lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10 m², được xây dựng theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại; trong mỗi kho bố trí các thùng chứa chuyên dụng, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn và gắn biển hiệu cảnh báo theo quy định; định kỳ chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Bùn phát sinh từ quá trình xử lý nước thải được thu gom về bể chứa bùn rồi bơm sang bể nén bùn sau đó qua máy ép bùn (đặt trong nhà chứa bùn diện tích 30 m²) bố trí trong khuôn viên xây dựng nhà máy xử lý nước thải của Cụm công nghiệp; bùn sau ép được chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định; nước dư từ quá trình ép bùn được đưa trở lại nhà máy xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp

do các đơn vị này quản lý theo quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại và đảm bảo toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án được thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn theo quy định; kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và lắp thiết bị giảm thanh cho các thiết bị thi công; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

- Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị gây ồn lớn vào cùng một thời điểm; sử dụng các phương tiện vận chuyển đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên; các phương tiện vận chuyển không chở quá tải trọng cho phép.

- Quy định tốc độ tối đa các loại phương tiện vận tải thi công được lưu thông trên các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy kết nối đến vị trí Dự án.

- Thực hiện chế độ làm việc hợp lý, điều chỉnh giảm bớt thời gian người lao động tiếp xúc với nguồn ồn cao.

4.3.2. Giai đoạn vận hành

- Thực hiện việc trồng cây xanh song song với quá trình thi công, xây dựng; đảm bảo diện tích theo đúng quy định.

- Lắp đặt máy phát điện đúng quy trình kỹ thuật để giảm ồn, chống rung và định kỳ vệ sinh, tra dầu mỡ và bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công, xây dựng và vận hành Dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có

4.4.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Toàn bộ hệ thống thu gom, thoát nước mưa được xây dựng đồng thời với giai đoạn san nền và chuẩn bị kỹ thuật, trước khi tiến hành xây dựng hệ thống đường giao thông và các công trình của Dự án. Đào các rãnh thoát nước

tạm thời xung quanh khu vực xây dựng với kích thước 0,5 m x 0,5 m, bố trí các hố ga lắng cặn xung quanh các công trường thi công trước khi thải ra môi trường 3 lưu vực chính ra rạch Vàm Cá Tán và rạch Đông; đảm bảo nước mưa không gây ngập úng khu vực Dự án.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực thi công được thu gom vào hệ thống mương, rãnh được bố trí xung quanh khu vực thực hiện Dự án chảy về hệ thống các hố lắng có kích thước (1,0 x 2,0 x 1,5) m/hố, thể tích 03 m³/hố bố trí dọc theo hướng thoát nước trước khi thoát ra môi trường theo 3 lưu vực chính ra rạch Vàm Cá Tán và rạch Đông.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải: Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.4.2.2. Giai đoạn vận hành

- Toàn bộ nước mưa tại Cụm công nghiệp được thu gom vào hệ thống thoát nước mưa riêng biệt của Cụm công nghiệp. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Các tuyến cống thu nước mưa được bố trí các hố ga lắng cặn với các hố thu nước mặt đường để lắng cặn nước mưa chảy tràn. Công ty bố trí 02 kênh điều tiết nước mưa:

- + Diện tích Hồ điều hòa 1: $S = 6.397,1 \text{ m}^2$, mái đào 1:1, cao độ đáy hồ: -1,00m, cao độ đỉnh taluy hồ: +3,00m. Thể tích Hồ điều hòa 1: 25.620,4 m³.

- + Diện tích Hồ điều hòa 2: $S = 11.751,2 \text{ m}^2$, mái đào 1:1, cao độ đáy hồ: -1,00m, cao độ đỉnh taluy hồ: +3,00m. Thể tích Hồ điều hòa 2: 47.036,8 m³.

- Toàn bộ nước mưa trong khu quy hoạch chia làm 3 lưu vực chính:

- + Lưu vực 1: thoát ra cửa xả vào kênh thu nước trong dự án sau đó thoát ra rạch Vàm Cá Tán.

- + Lưu vực 2: thoát ra cửa xả vào kênh thu nước trong dự án sau đó thoát ra rạch Vàm Cá Tán.

- + Lưu vực 3: thoát ra cửa xả vào kênh thu nước trong dự án sau đó thoát ra rạch Đông.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại khu vực công trường thi công; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân của Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy trong quá trình xây dựng và sử dụng các thiết bị, máy móc thi công; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại khu vực kho chứa nhiên liệu và các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố của nhà máy xử lý nước thải:

- + Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng

quy trình kỹ thuật; thiết kế, lắp đặt các thiết bị dự phòng để đảm bảo hệ thống luôn hoạt động khi có sự cố; giám sát vận hành hàng ngày và tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành, có nhật ký vận hành, thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị.

+ Xây dựng, vận hành hồ sự cố có dung tích 987,4 m³ và bể điều hòa, đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải tối đa trong 14-15 giờ. Đáy hồ được lót chống thấm bằng màng HDPE trên nền đất tự nhiên, đảm bảo kiên cố, chống thấm, chống rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường theo đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế về xây dựng.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, tạm dừng hoạt động của nhà máy xử lý nước thải tập trung để kiểm tra; nước thải được bơm từ bể khử trùng/bể gom về hồ sự cố để lưu chứa tạm thời. Sau khi khắc phục xong, nước thải được bơm từ các hồ sự cố về bể tách cặn, váng nổi để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, F > 2.000 m³ trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

+ Thỏa thuận với các đơn vị thứ cấp trong Cụm công nghiệp về việc tạm dừng tiếp nhận nước thải từ các đơn vị thứ cấp về hệ thống xử lý nước thải tập trung trong trường hợp quá thời gian lưu chứa tối đa của công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố; yêu cầu và thỏa thuận với các đơn vị thứ cấp chủ động bố trí các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với nước thải với quy mô phù hợp để nâng cao năng lực ứng phó sự cố về môi trường đối với nước thải nói chung tại Cụm công nghiệp. Trường hợp công trình ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải của Dự án không còn khả năng lưu chứa nước thải, thực hiện đóng van đầu nổi nước thải từ các đơn vị thứ cấp vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp và thông báo các đơn vị thứ cấp về việc tạm ngừng tiếp nhận nước thải, vận hành phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải tại các đơn vị thứ cấp để hỗ trợ khắc phục sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại: Khu lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau với khoảng cách phù hợp để hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải dẫn đến xảy ra sự cố cháy nổ và sự cố rò rỉ, các khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo theo đúng quy định.

- Phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước: Không xây dựng các công trình trên tuyến đường ống nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải: Xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và tổ chức thực hiện theo quy định tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4.4.3. Các công trình, biện pháp khác

- Đất mặt bóc tách từ khu ao hồ được tập kết và sử dụng cho các khu vực quy hoạch trồng cây xanh trong khuôn viên Dự án; tưới ẩm và thực hiện phủ bạt lên phía trên bãi chứa tạm, không để phát tán bụi vào ngày nắng, gió và rửa trôi khi trời mưa.

- Giám sát, đảm bảo công tác thi công được triển khai trong ranh giới, phạm vi cho phép; tăng cường kiểm soát không để công nhân san gạt đất, đá thải xuống ruộng và đất canh tác của người dân.

- Phối hợp với cơ quan chức năng có thẩm quyền trong việc quản lý giám sát hoạt động thi công; thực hiện hoàn trả kênh mương tưới tiêu đảm bảo khả năng tưới tiêu nước, không gây gián đoạn hoạt động tưới tiêu của khu vực Dự án và xung quanh.

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng, đảm bảo an toàn giao thông công cộng, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, chấp thuận trước khi triển khai thi công và tổ chức thực hiện theo phương án được phê duyệt; lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn phân luồng giao thông và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông được biết; phối hợp với cơ quan có chức năng hướng dẫn phân luồng trong quá trình thi công Dự án.

- San nền phù hợp với cao độ hiện trạng khu vực xung quanh, đường giao thông khu vực và quy hoạch chung của địa phương.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ Dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ Dự án có trách nhiệm xây dựng, thực hiện chương trình quản lý môi trường đảm bảo đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường nêu tại mục 4 của Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

5.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

5.2.1.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.1.2. Giám sát môi trường không khí, tiếng ồn, độ rung

- Vị trí giám sát: 02 vị trí xung quanh khu vực thực hiện Dự án bao gồm:

- + 01 vị trí tại khu vực đường giao thông gần khu vực thi công Dự án.
- + 01 vị trí tại khu vực trung tâm thi công Dự án.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, độ rung, tổng bụi lơ lửng (TSP), SO₂, CO, NO₂.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.2.2. Giai đoạn vận hành

5.2.2.1. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan; định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

5.2.2.2. Giám sát nước thải

- Giám sát tự động, liên tục nước thải:
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra sau hồ hoàn thiện của nhà máy xử lý nước thải tập trung.
 - + Thông số giám sát: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), Nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni.
 - + Tần suất giám sát: liên tục 24/24 giờ.
 - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, Bảng 1 (F>2.000 m³/ngày) và cột A, Bảng 2.
- Giám sát định kỳ nước thải:
 - + Vị trí giám sát: 01 vị trí xả thải nước thải sau xử lý, tại đầu ra sau hồ hoàn thiện của nhà máy xử lý nước thải tập trung.
 - + Thông số giám sát: Độ màu, BOD₅, As, Hg, Pb, Cd, Cr⁶⁺, Tổng Cr, Cu, Zn, Ni, Mn, Fe, Ba, Sb, Sn, Se, Xianua, phenol, Tổng phenol, Dầu mỡ khoáng, dầu mỡ động thực vật, Sunfua, Florua, Tổng Nitơ, Tổng photpho, Clo dư, Tổng Coliform, chất hoạt động bề mặt anion, benzene, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ, tổng PCB, Tổng hoạt độ phóng xạ α, Tổng hoạt độ phóng xạ β.
 - + Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
 - + Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, Bảng 1 (F>2.000 m³/ngày) và cột A, Bảng 2.

5.2.2.3. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/CP-NĐ ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh theo quy định.

- Giám sát bùn thải phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải tập trung

+ Thông số giám sát: pH, As, Ba, Ag, Cd, Pb, Co, Zn, Ni, Se, Hg, Crom (VI), tổng Xyanua, tổng dầu, Phenol, Benzen.

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn từ quá trình xử lý nước; và QCVN 07:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại (kể từ ngày Thông tư số 44/2025/TT-BNNMT ngày 06/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường có hiệu lực).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường đối với Cụm công nghiệp tại khoản 1, khoản 3 Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và các quy định pháp luật liên quan.

- Ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của cụm công nghiệp phù hợp với yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật.

- Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp với công việc được đảm nhiệm.

- Tuân thủ các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; thiết kế, xây dựng các hạng mục công trình của Dự án phải bảo đảm tuân thủ quy định về xây dựng và đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ

môi trường.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án và chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu các dự án đầu tư thứ cấp vào Cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Giám sát việc thực hiện cam kết về bảo vệ môi trường đối với các dự án đầu tư thứ cấp khi đăng ký đầu tư vào Cụm công nghiệp; ban hành quy chế về bảo vệ môi trường của Cụm công nghiệp phù hợp yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chỉ được phép thu hút các đơn vị thứ cấp có ngành nghề tại Mục 1.3.4 của Quyết định này; yêu cầu chủ các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp phải thực hiện thủ tục môi trường theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; thực hiện thu gom, xử lý toàn bộ nước thải đối với các nhà đầu tư thứ cấp vào Dự án.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về tài nguyên nước, phòng ngừa, ứng phó sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất, an toàn giao thông; đảm bảo các quy phạm kỹ thuật có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu rủi ro đến môi trường.

- Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện Dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân viên tham gia thi công, xây dựng, vận hành Dự án.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành

viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường để được cấp Giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình hoạt động nếu phát sinh chất thải gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường./.